

Số: 2313 /TM – NĐSD

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

## THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

**Đơn hàng số: 02.08.25 về việc Mua sắm vật tư phục vụ sửa chữa khiếm khuyết thiết bị phần Điện và C&I tháng 7/2025**

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động- TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV đang có nhu cầu Khảo sát giá vật tư phục vụ sửa chữa khiếm khuyết thiết bị phần Điện và C&I tháng 7/2025.

Công ty nhiệt điện Sơn Động –TKV kính mời nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá hàng hóa với nội dung như sau:

### **1. Thông tin về vật tư cần mua:**

1.1. Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư phục vụ sửa chữa khiếm khuyết thiết bị phần Điện và C&I tháng 7/2025.

1.2. Số hiệu đơn hàng: 02.08.25

1.3. Chi tiết đơn hàng: Bao gồm các nội dung về tên hàng hóa, số lượng, quy cách, thông số kỹ thuật như phụ lục đính kèm:

- Yêu cầu về hàng hóa: Hàng mới 100%, đúng quy cách, danh điểm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

- Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật (nếu có) của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.

- NCC được phép chào hàng hóa, vật tư tương đương. Nếu chào hàng hóa, vật tư tương đương, NCC cần chào hàng hóa, vật tư có tiêu chuẩn quản lý và chất lượng bằng hoặc cao hơn hàng hóa, vật tư mà bên mời chào giá yêu cầu để đảm bảo tương thích với thiết bị hiện tại của nhà máy và không ảnh hưởng đến chế độ vận hành của thiết bị (phải có bảng so sánh và tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất chứng minh cụ thể, rõ ràng tính tương đương với mặt hàng Công ty yêu cầu).

### **2. Nội dung Bản chào giá (BCG):**

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp.

- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát thông số kỹ thuật thiết bị thực tế của Bên Mời chào giá nhằm đảm bảo hàng hóa cung cấp lắp đặt phù hợp và đồng bộ với thiết bị có sẵn của nhà máy.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản chào giá phải ghi rõ tên vật tư, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm các loại chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.

- Thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng, hình thức thanh toán, thời gian bảo hành hàng hóa, hiệu lực của bản chào giá.

- Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ xuất xứ, nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

- Địa điểm giao hàng: Tại Kho Vật tư Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV; Địa chỉ: Thôn Đồng Rì – Xã Tây Yên Tử - Tỉnh Bắc Ninh.

- Hiệu lực của bản báo giá:  $\geq 30$  ngày kể từ ngày báo giá.

### **3. Hình thức tham gia và thời gian báo giá.**

#### **1. Hình thức báo giá:**

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Báo giá của Quý đơn vị xin gửi về: Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, thôn Đồng Rì, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh; Điện Thoại: 0204.3588.818. (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp - người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị đồng thời mang theo bản gốc để đối chiếu). Hoặc E- mail: [Sondongvpct@gmail.com](mailto:Sondongvpct@gmail.com) và Email: [vattusondong88@gmail.com](mailto:vattusondong88@gmail.com) (Đối với các đơn vị gửi báo giá qua mail vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ: Ông Nguyễn Minh Huế– Nhân viên Phòng KHĐTVT; số điện thoại: 0383.323.139.

2. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá được gửi đến Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV chậm nhất ngày 14 tháng 8 năm 2025 (trong giờ làm việc hành chính).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc(b/c, e-copy)
- Email: [truyenthongtkv@vinacomin.vn](mailto:truyenthongtkv@vinacomin.vn) (để đăng tải)
- Email: [quyennb@vinacompower.vn](mailto:quyennb@vinacompower.vn) ( để đăng tải)
- Lưu: VT, KHĐTVT.



**Lê Xuân Trường**

# PHỤ LỤC THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

Kèm theo thư mời khảo sát và báo giá số: **2813** /TM-NĐSD ngày **07** tháng **8** năm 2025

| Slt | Tên vật tư hàng hóa                                           | Quy cách/Thông số kỹ thuật                                                           | Hãng sản xuất/<br>Xuất xứ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá<br>(Đồng/dvt) | Thuế GTGT (%) | Thành tiền<br>(Đồng) | Thời gian<br>giao hàng | Thời gian<br>bảo hành | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|------------|-----------------------|---------------|----------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 1   | Van một chiều                                                 | DN100; L=35,5 cm; PN16;<br>Nhiệt độ làm việc 0 - 80 độ C;<br>Điện áp 24V-DC, 220V-AC |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 2   | Áp tô mát 3 pha                                               | FAT0 CFM1 - 225L/3310; AC 400V;<br>In=225A                                           |                           | Cái         | 1          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 3   | Cáp điều khiển                                                | 21x1,5mm                                                                             |                           | Mét         | 680        |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 4   | Cầu đấu dây                                                   | UK 2.5B                                                                              |                           | Cái         | 240        |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 5   | Công tắc xoay 2 vị trí                                        | LA38-303                                                                             |                           | Cái         | 36         |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 6   | Role trombeta                                                 | 12VDC                                                                                |                           | Cái         | 1          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 7   | Drexel brook Usonic<br>Ultrasonics Level<br>Transmiher Ametek | 24VDC; 4-20mA                                                                        |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 8   | Ống ruột gà                                                   | Vỏ nhựa lõi thép Ø25                                                                 |                           | Mét         | 15         |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 9   | Hộp nút bấm                                                   | Kích thước 210x200x130 mm; chất<br>liệu: thép sơn tĩnh điện chống rỉ                 |                           | Cái         | 12         |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 10  | Nút bấm                                                       | APT LA39-11G; INO, INC<br>màu đỏ (bao gồm nắp bảo vệ nút ấn<br>màu trong suốt)       |                           | Cái         | 12         |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 11  | Vỏ tủ điện                                                    | INOX 304; kích thước H=660mm;<br>W=500mm; D=270mm                                    |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 12  | Công tắc xoay 3 vị trí                                        | LW26-20                                                                              |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 13  | Nút ấn màu xanh                                               | LA38-11                                                                              |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 14  | Nút ấn màu đỏ                                                 | LA38-11                                                                              |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 15  | Đèn báo màu đỏ                                                | 220VAC; ND16-22DS                                                                    |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 16  | Đèn báo màu xanh                                              | 220VAC; ND16-22DS                                                                    |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 17  | Cầu chì + Vỏ                                                  | 32A; 10x38                                                                           |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 18  | Aptomat 3 pha                                                 | RM C1-63; 20A                                                                        |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 19  | Rơ le trung gian + Đế                                         | 220VAC; MY4N-GS                                                                      |                           | Cái         | 8          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 20  | Contactơ                                                      | 3TD40; U=220V; I=20A                                                                 |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |

| Stt | Tên vật tư hàng hóa | Quy cách/Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                     | Hãng sản xuất/<br>Xuất xứ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá<br>(Đồng/đvt) | Thuế GTGT (%) | Thành tiền<br>(Đồng) | Thời gian<br>giao hàng | Thời gian<br>bảo hành | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|------------|-----------------------|---------------|----------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 21  | Rơ le nhiệt         | Siemen: 4,5÷6,5A; SO, 3RU11; 26-1KB0                                                                                                                                                                                           |                           | Cái         | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 22  | Bộ nguồn tổ ong     | EDR-120-24; input: 240VAC, 2,6A; output: 24V-5A                                                                                                                                                                                |                           | Bộ          | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 23  | Cầu đấu gai         | UK 2.5B 32A; 2,5mm2                                                                                                                                                                                                            |                           | Cái         | 200        |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 24  | Cầu đấu gai         | UIK-05N; 4mm2                                                                                                                                                                                                                  |                           | Cái         | 20         |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 25  | Thanh gai           | 35x7,5mm                                                                                                                                                                                                                       |                           | M           | 4          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 26  | Tủ điện cửa 2 mặt   | (1650 x 700 x 450)mm. Tủ điện cửa 2 mặt Inox 304 ngoài trời, mặt cửa chính có 2 lớp cánh, tủ không đáy, bên trong tủ có khung V, 2 bên đột lỗ để bán giá đỡ thiết bị điện. Kích thước tủ: H= 1650mm, W=700mm, D=450mm, T=1,2mm |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 27  | Tủ điện             | (1650 x 850 x 450)mm. Tủ điện cửa 2 mặt Inox 304 ngoài trời, mặt cửa chính có 2 lớp cánh, bên trong có tám panel để lắp đặt thiết bị điện. Kích thước tủ: H= 1600mm, W=850mm, D=450mm, T=1,2mm                                 |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 28  | Tủ điện             | (950 x 650 x 350)mm. Tủ điện cửa 2 mặt Inox 304 ngoài trời, mặt cửa chính có 2 lớp cánh, bên trong có tám panel để lắp đặt thiết bị điện. Kích thước tủ: H= 950mm, W=650mm, D=350mm, T=1,2mm                                   |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |
| 29  | Tủ điện             | (950 x 650 x 350)mm. Tủ điện cửa 2 mặt Inox 304 ngoài trời, mặt cửa chính có 2 lớp cánh, tủ không đáy, bên trong tủ có tám panel để lắp đặt thiết bị điện. Kích thước tủ: H= 950mm, W=650mm, D=350mm, T=1,2mm                  |                           | Cái         | 2          |                       |               |                      |                        |                       |         |

| Stt | Tên vật tư hàng hóa        | Quy cách/Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                              | Hãng sản xuất/<br>Xuất xứ | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá<br>(Đồng/dvt) | Thuế GTGT<br>(%) | Thành tiền<br>(Đồng) | Thời gian<br>giao hàng | Thời gian<br>bảo hành | Ghi chú |
|-----|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------|------------|-----------------------|------------------|----------------------|------------------------|-----------------------|---------|
| 30  | Đồng hồ đo lưu lượng nước  | - DN150<br>- Áp lực max: 16 bar<br>- Số lỗ bu lông: 08 lỗ<br>- Lưu lượng lớn nhất Qmax: 250 m3/h<br>- Lưu lượng nước trung bình Qn: 100m3/h<br>- Nhiệt độ làm việc tối đa: 50°C<br>- Có mặt hiển thị giá trị đo tại chỗ |                           | Cái         | 1          |                       |                  |                      |                        |                       |         |
| 31  | Bộ chuyển đổi 3one data    | SWE485GI                                                                                                                                                                                                                |                           | Cái         | 1          |                       |                  |                      |                        |                       |         |
| 32  | Ray điện hộp kín           | 4P/140A (thanh 4m) ICL - 4003                                                                                                                                                                                           |                           | Thanh       | 6          |                       |                  |                      |                        |                       |         |
| 33  | Chổi quét điện hộp kín     | 4P/80A (bộ đôi)                                                                                                                                                                                                         |                           | Bộ          | 3          |                       |                  |                      |                        |                       |         |
| 34  | Kẹp treo thanh ray hộp kín | ISH - 001                                                                                                                                                                                                               |                           | Cái         | 18         |                       |                  |                      |                        |                       |         |
| 35  | Chụp nối ray hộp kín       | Đồng bộ cùng thanh ray điện hộp kín<br>4P/140A (thanh 4m) ICL - 4003                                                                                                                                                    |                           | Cái         | 3          |                       |                  |                      |                        |                       |         |
| 36  | Contacto 3 pha             | CHNT NC1-25; Ui=690V; Ie(AC-I)=<br>Ith=40A; cuộn hút 36V AC; tiếp điểm<br>phụ 01NC                                                                                                                                      |                           | Cái         | 6          |                       |                  |                      |                        |                       |         |